TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DS-ST
Ngày 15 - 6 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2026/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1048/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1059/2026/QĐST-DS ngày 01/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ CN Đ, A P, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Trưởng bộ phận Xử lý nợ pháp lý và ông Nguyễn Văn C - Chuyên viên Xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị V1 và số 15434476/2025/TBKK/VPB ngày 08/11/2026 của Trưởng Phòng xử lý nợ). Ông C có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Đình T1, sinh năm 1996, địa chỉ: K T, Tổ 27XH phường T (cũ là phường X, quận T), thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:**

Ngân hàng TMCP V cho ông Trần Đình T1 vay vốn theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 8628091996, số hồ sơ giải ngân PDPD2530961003 ngày 14/4/2025: Số tiền vay/hạn mức 45.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất: 26%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông T1 chỉ trả được số tiền 4.227.119đ, trong đó: Nợ gốc 32.999đ, nợ lãi 4.194.120đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/9/2025 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này chúng tôi chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Tính đến ngày 15/6/2026, ông Trần Đình T1 còn nợ V1 số tiền nợ thẻ tín dụng là 59.400.650đ (Năm mươi chín triệu, bốn trăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng), trong đó: Nợ gốc 44.967.001đ, nợ lãi 14.433.649đ.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đình T1 thanh toán cho V1 tổng số tiền nêu trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*** Tại Bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, bị đơn ông Trần Đình T1 trình bày:**

Ông xác nhận có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 8628091996, số hồ sơ giải ngân PDPD2530961003 ngày 14/4/2025: Số tiền vay/hạn mức 45.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

Sau khi vay ông trả cho V1 được khoảng 3 triệu đồng. Ông còn nợ V1 số tiền nợ gốc là 44.967.001đ. Tuy nhiên, hiện nay thu nhập của ông rất thấp, không ổn định, chỉ đủ đáp ứng các chi phí sinh hoạt thiết yếu hàng ngày cho ông và mẹ ông, mẹ ông đã già cũng không có việc làm, thường xuyên đau ốm. Ông không có tài sản gì có giá trị lớn để có thể xử lý nhằm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, ông đề nghị Ngân hàng T2 điều kiện cho trả số nợ gốc 500.000đ - 1.000.000đ/tháng và xem xét miễn phần lãi vì ông không có khả năng thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Trần Đình T1 thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; ông Trần Đình T1 có nơi cư trú tại K T, Tổ B phường T, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Đình T1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 8628091996, số hồ sơ giải ngân PDPD2530961003 ngày 14/4/2025: Số tiền vay/hạn mức 45.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng; Lãi suất cho vay: Lãi suất: 26%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Trả nợ gốc, lãi: hàng tháng. Và các điều khoản khác.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông T1 chỉ trả được số tiền 4.227.119đ, trong đó: Nợ gốc 32.999đ, nợ lãi 4.194.120đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/9/2025 nên phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. V1 đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này V1 chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Xét, ông Trần Đình T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ và V1 không đồng ý cho trả dần nợ gốc, miễn phần lãi. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 100 và điểm a khoản 3 Điều 107 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông T1 phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tính đến ngày 15/6/2026 tổng số tiền là 59.400.650đ (Năm mươi chín triệu, bốn trăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng), trong đó: Nợ gốc 44.967.001đ, nợ lãi 14.433.649đ.

Kể từ ngày 16/6/2026 ông Trần Đình T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 8628091996, số hồ sơ giải ngân PDPD2530961003 ngày 14/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn V1 được chấp nhận nên bị đơn ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 100, khoản 1 Điều 103 và điểm a khoản 3 Điều 107 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP V đối với ông Trần Đình T1.

Buộc ông Trần Đình T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 15/6/2026 là 59.400.650đ (Năm mươi chín triệu, bốn trăm nghìn, sáu trăm năm mươi đồng), trong đó: Nợ gốc 44.967.001đ, nợ lãi 14.433.649đ.

Kể từ ngày 16/6/2026 ông Trần Đình T1 phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số 8628091996, số hồ sơ giải ngân PDPD2530961003 ngày 14/4/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.970.000đ *(Hai triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)* ông Trần Đình T1 phải chịu.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.284.638đ *(Một triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi tám đồng)* theo biên lai thu số 0002463 ngày 16/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/6/2026.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp

TAND KHU VỰC 3

JGX150626.TL.QDBA 1638